

giấy xác nhận đăng ký vốn đầu tư đã thực hiện của dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Chế độ báo cáo về việc cấp giấy đăng ký vốn đầu tư đã thực hiện của dự án thực hiện theo quy chế như đối với việc cấp giấy phép đầu tư.

Phần V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 2163/UB-QL ngày 4-10-1995 của Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư - nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan cấp giấy phép đầu tư sẽ trực tiếp hướng dẫn, xử lý đối với dự án đã hoàn thành việc lắp đặt máy móc, thiết bị và xây dựng công trình trước khi Thông tư này có hiệu lực.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TRẦN XUÂN GIÁ

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

THÔNG TƯ số 490/1998/TT-BKHCMNT
ngày 29-4-1998 hướng dẫn lập và
thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường đối với các dự
án đầu tư.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993 và Chủ

tịch nước ký Lệnh ban hành ngày 10 tháng 1 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 11/1998/CT-TTg ngày 16-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ và cải tiến các thủ tục đầu tư trực tiếp nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 22-CP ngày 22-5-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong nước, liên doanh và đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại Việt Nam.

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

I.1. Các dự án đầu tư trong nước, liên doanh, hợp tác kinh doanh với nước ngoài và đầu tư 100% vốn nước ngoài và các dạng đầu tư khác (gọi chung là dự án đầu tư) thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam đều phải tuân thủ các quy định trong Thông tư này về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

I.2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định danh mục các dự án đầu tư thành 2 loại:

1. Các dự án phải lập và trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được gọi trong Thông tư này là dự án loại I, bao gồm: các dự án có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng, dễ gây ra sự cố môi trường, khó khống chế

và khó xác định tiêu chuẩn môi trường. Danh mục các dự án này được liệt kê tại Phụ lục I.

Các dự án thuộc loại này sẽ được đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường nếu đầu tư vào các khu công nghiệp/khu chế xuất, mà các khu công nghiệp/khu chế xuất đó đã được cấp quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Tất cả các dự án còn lại được gọi trong Thông tư này là dự án loại II sẽ được đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường trên cơ sở tự xác lập và phân tích báo cáo đánh giá tác động môi trường của mình.

I.3. Quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phiếu xác nhận "bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường" là căn cứ pháp lý về mặt môi trường để các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét và cho phép dự án thực hiện các bước tiếp theo.

II. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

II.1. Giai đoạn xin cấp Giấy phép đầu tư.

1. Đối với các dự án loại I.

Trong hồ sơ của các dự án loại I phải có một phần hoặc một chương nêu sơ lược về các tác động tiềm tàng của dự án đến môi trường (Phụ lục II). Đây là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét trong quá trình thẩm định hồ sơ.

2. Đối với các dự án loại II.

Các dự án loại II phải lập "bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường" và trình nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để xem xét.

+ Nội dung của bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

+ Hồ sơ nộp gồm:

- Đơn xin đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường theo mẫu tại Phụ lục IV.2.

- 3 bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Nếu là dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài thì phải có thêm 1 bản bằng tiếng Anh.

- 1 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc giải trình kinh tế - kỹ thuật của dự án.

II.2. Giai đoạn thiết kế xây dựng.

1. Sau khi đã được cấp giấy phép đầu tư và xác định địa điểm thực hiện, các dự án loại I phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định.

2. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I.2 Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ.

3. Hồ sơ nộp để thẩm định gồm:

- Đơn xin thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo mẫu tại Phụ lục IV.1.

- 7 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nếu là dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài thì phải có thêm 1 bản bằng tiếng Anh.

- 1 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc giải trình kinh tế - kỹ thuật của dự án.

II.3. Giai đoạn kết thúc xây dựng.

Trước khi công trình được phép đưa vào sử dụng, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm:

- Phối hợp với cơ quan cấp giấy phép xây dựng tiến hành kiểm tra các công trình xử lý chất thải và các điều kiện an toàn khác theo quy định bảo vệ môi trường.

- Nếu phát hiện công trình không tuân thủ đúng những phương án bảo vệ môi trường đã được

duyet, thì yêu cầu chủ dự án phải xử lý theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được xác nhận.

- Khi dự án đã thực hiện đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường sẽ xem xét cấp phép tương ứng.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Việc phân cấp thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường và xem xét "bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường" được thực hiện theo Phụ lục II Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ.

2. Việc thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được tiến hành theo đúng tinh thần của Quyết định số 1806/QĐ-MTg và Quy chế số 1807-MTg đã được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành ngày 31-12-1994.

3. Cấp nào thẩm định thì cấp đó cấp quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường (Phụ lục V) đối với các dự án thuộc loại I và phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (Phụ lục VI) cho dự án thuộc loại II, đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

4. Đối với một số trường hợp, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương có thể tiến hành thẩm định các dự án loại I và xem xét các dự án loại II không thuộc phân cấp của mình sau khi có công văn xin ủy quyền và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chấp thuận.

5. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không quá 60 ngày kể từ khi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, chậm nhất 5 ngày, cơ quan thẩm định có trách

nhiệm thông báo cho chủ dự án biết để điều chỉnh, bổ sung hồ sơ.

Chậm nhất 10 ngày sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được chấp thuận, cơ quan thẩm định có trách nhiệm cấp quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án.

6. Thời hạn xem xét "bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường" và cấp "phiếu xác nhận" không quá 20 ngày kể từ khi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, chậm nhất 5 ngày, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo cho chủ dự án biết để điều chỉnh, bổ sung.

IV. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

1. Tất cả các dự án thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam đều phải áp dụng tiêu chuẩn môi trường Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành. Dự án thực hiện ở những địa phương đã có tiêu chuẩn môi trường riêng, có thể áp dụng tiêu chuẩn môi trường địa phương với điều kiện là phải nghiêm ngặt hơn tiêu chuẩn do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn môi trường cần áp dụng chưa được quy định trong tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, chủ dự án có thể xin áp dụng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường của các nước tiên tiến khi được phép bằng văn bản của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thay thế Thông tư số 1100/TT-MTg do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành ngày 20-8-1997.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ủy

nhệm các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường địa phương kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường, các phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và việc tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường hiện hành của tất cả các dự án thực hiện trên địa bàn quản lý của mình. Nghiêm khắc xử lý theo quy định của pháp luật các dự án vi phạm các quy định về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Cục Môi trường thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hoặc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm tiến hành xem xét và cấp phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho các dự án theo phân cấp quy định tại Điểm 1 Mục III của Thông tư này.

Những báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trước thời hạn có hiệu lực của Thông tư này sẽ được thẩm định theo quy định trước đây.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

CHU TUẤN NHẠ

Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI TRÌNH
DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG**

1. Công trình nằm trong hoặc kế cận các khu vực nhạy cảm về môi trường, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu du lịch, di tích văn hóa, lịch sử có tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

2. Quy hoạch:

2.1. Phát triển vùng;

2.2. Phát triển ngành;

2.3. Đô thị;

2.4. Khu công nghiệp/khu chế xuất.

3. Về dầu khí:

3.1. Khai thác;

3.2. Chế biến;

3.3. Vận chuyển;

3.4. Kho xăng dầu (dung tích từ 20.000m³ trở lên).

4. Nhà máy luyện gang thép, kim loại màu (công suất từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên).

5. Nhà máy thuộc da (từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên).

6. Nhà máy dệt nhuộm (từ 20 triệu mét vải/năm trở lên).

7. Nhà máy sơn (công suất từ 1000 tấn sản phẩm/năm), chế biến cao su (công suất từ 10.000 tấn sản phẩm/năm).

8. Nhà máy đường (công suất từ 100.000 tấn mía/năm trở lên).

9. Nhà máy chế biến thực phẩm (công suất từ 1000 tấn sản phẩm/năm).

10. Nhà máy đông lạnh (công suất từ 1000 tấn sản phẩm/năm).

11. Nhà máy nhiệt điện (công suất từ 200MW trở lên).

12. Nhà máy bột giấy và giấy (công suất từ 40.000 tấn bột giấy/năm trở lên).

13. Nhà máy xi măng (công suất từ 1 triệu tấn xi măng/năm trở lên).

14. Khu du lịch, giải trí (diện tích từ 100 ha trở lên).

15. Sân bay.

0966040 * Tel: +84-8-3845684 * www.ThuVienPhapLuat.vn

16. Bến cảng (cho tàu trọng tải từ 10.000DWT trở lên).

17. Đường sắt, đường ô tô cao tốc, đường ô tô (thuộc cấp I đến cấp III theo tiêu chuẩn TCVN 4054-85) có chiều dài trên 50km.

18. Nhà máy thủy điện (hồ chứa nước từ 100 triệu m³ nước trở lên).

19. Công trình thủy lợi (tưới, tiêu, ngăn mặn... từ 10.000 ha trở lên).

20. Xử lý chất thải (khu xử lý nước thải tập trung công suất từ 100.000m³/ngày, đêm trở lên; bãi chôn lấp chất thải rắn).

21. Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (tổng khối lượng khoáng sản rắn và đất đá từ 100.000m³/năm trở lên).

22. Lâm trường khai thác gỗ (tất cả).

23. Khu nuôi trồng thủy sản (diện tích từ 200ha trở lên).

24. Sản xuất, kho chứa và sử dụng hóa chất độc hại (tất cả).

25. Lò phản ứng hạt nhân (tất cả).

* Các dự án nói trên nếu đầu tư vào các khu công nghiệp/khu chế xuất đã được cấp quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ được đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường trên cơ sở tự xác lập và phân tích báo cáo đánh giá tác động môi trường của mình.

Phụ lục II

GIẢI TRÌNH VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

(trong luận chứng khả thi hoặc báo cáo giải trình kinh tế - kỹ thuật để xin giấy phép đầu tư).

I. THUYẾT MINH TÓM TẮT NHỮNG YẾU TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG TỚI MÔI TRƯỜNG

1. Tư liệu về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án (chất lượng nước mặt, nước ngầm, không khí, hệ sinh thái...). Nhận xét tổng quát mức độ ô nhiễm tại địa điểm sẽ thực hiện dự án.

2. Mô tả sơ đồ/quy trình công nghệ sản xuất, nguyên, nhiên liệu sẽ sử dụng, danh mục hóa chất... (nếu trong giải trình kinh tế kỹ thuật thuyết minh chưa rõ).

3. Khi thực hiện dự án, thuyết minh rõ những yếu tố chính sẽ ảnh hưởng tới môi trường do hoạt động của dự án (ước lượng các loại: khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn...). Dự đoán mức độ ảnh hưởng có thể xảy ra đối với môi trường.

II. ĐỀ XUẤT (TÓM TẮT) GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC CÁC ẢNH HƯỞNG TIÊU CỰC CỦA DỰ ÁN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Phụ lục III

(cho các dự án trong giai đoạn xin cấp phép đầu tư)

NỘI DUNG BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Tên dự án:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại: ; Số Fax:

1. Mô tả địa điểm dự kiến triển khai các hoạt động của dự án:

- Vị trí.
- Diện tích mặt bằng.
- Khoảng cách gần nhất đến các khu dân cư và các cơ sở công nghiệp khác.

- Hiện trạng sử dụng khu đất.
- Nguồn cung cấp nước, điểm lấy nước, nhu cầu nước/ngày, đêm.
- Hệ thống giao thông cung cấp nguyên liệu và vận chuyển sản phẩm.
- Nơi tiếp nhận nước thải từ các hoạt động của dự án.
- Nơi lưu giữ và xử lý chất thải rắn.

2. Tóm tắt công nghệ sản xuất (lưu ý: nếu dự án bao gồm cả vùng khai thác và cung cấp nguyên liệu thì phải mô tả rõ các vấn đề liên quan).

- Tổng vốn đầu tư.
- Danh mục nguyên liệu, nhiên liệu, phụ liệu (tính chất, nhu cầu hàng năm, nơi cung cấp).
- Phương thức vận chuyển, cung cấp và bảo quản nguyên liệu, nhiên liệu và phụ liệu.
- Công suất.
- Sơ đồ dây chuyền sản xuất (lưu ý: mô tả đầy đủ cả các công đoạn phụ trợ: xử lý nước cấp, máy phát điện, nồi hơi, hệ thống gia nhiệt, hệ thống làm mát thiết bị...).
- Đặc tính thiết bị.
- Chất lượng sản phẩm.
- Phương thức bảo quản và vận chuyển sản phẩm.

3. Các nguồn gây ô nhiễm:

- Khí thải:
 - + Nguồn phát sinh,
 - + Tải lượng,
 - + Nồng độ các chất ô nhiễm.
- Nước thải (lưu ý: nêu rõ cả các thông số liên quan về nước làm mát, nước tuần hoàn trong quá trình sản xuất):

- + Nguồn phát sinh,
- + Tải lượng,
- + Nồng độ các chất ô nhiễm.

- Chất thải rắn:

- + Nguồn phát sinh,
- + Tải lượng,
- + Nồng độ các chất ô nhiễm.

- Sự cố do hoạt động của dự án (cháy nổ, rò rỉ hóa chất, tràn dầu...):

- + Nguyên nhân nảy sinh,
- + Quy mô ảnh hưởng.

4. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm:

- Hệ thống thu gom và xử lý khí thải:
 - + Chiều cao ống khói,
 - + Đặc tính thiết bị xử lý,
 - + Công nghệ áp dụng và hiệu quả xử lý,
 - + Hóa chất sử dụng (lượng, thành phần),
 - + Các chất thải từ quá trình xử lý,
 - + Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và vận hành.
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:
 - + Đường thu gom và thoát nước,
 - + Kết cấu bể xử lý,
 - + Công nghệ áp dụng và hiệu quả xử lý,
 - + Hóa chất sử dụng (lượng, thành phần),
 - + Các chất thải từ quá trình xử lý,
 - + Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và vận hành.
- Quy trình thu gom và xử lý chất thải rắn:
 - + Kết cấu bể/kho lưu giữ chất thải rắn,
 - + Quy trình vận chuyển,

+ Kỹ thuật xử lý (phơi khô, đóng rắn, chôn lấp; thiêu hủy; làm phân bón...),

+ Dự kiến kinh phí xây dựng, lắp đặt và xử lý.

- Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

- Phương án phòng chống và ứng cứu sự cố:

+ Thiết bị,

+ Quy trình,

+ Hóa chất sử dụng,

+ Hiệu quả,

+ Dự kiến kinh phí mua thiết bị, tập dượt định kỳ.

5. Chương trình giám sát môi trường:

- Vị trí giám sát;

- Các chỉ tiêu giám sát;

- Tần suất giám sát;

- Dự kiến kinh phí thực hiện.

6. Cam kết đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường:

- Tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng;

- Tiêu chuẩn nước ngoài áp dụng nếu tiêu chuẩn Việt Nam không có (tên nước, năm ban hành, cơ quan ban hành, hiệu lực áp dụng) (lưu ý: kèm theo bản sao toàn bộ nội dung tiêu chuẩn);

- Thời gian hoàn thành công trình xử lý;

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

(Nơi lập bản đăng ký) ngày..... tháng.....năm 199...

Đại diện chủ đầu tư

(ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THÔNG TƯ số 5/1998/TT/BNN-BVTV **ngày 6-5-1998 hướng dẫn thực hiện** **Chỉ thị số 9/1998/CT-TTg ngày** **18-2-1998 về các biện pháp cấp bách** **diệt trừ chuột bảo vệ mùa màng** **của Thủ tướng Chính phủ.**

Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 9/1998/CT-TTg ngày 18-2-1998 về các biện pháp cấp bách diệt trừ chuột bảo vệ mùa màng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn mục đích, yêu cầu, nội dung, tổ chức thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Qua thực hiện Chỉ thị số 9/1998/CT-TTg ngày 18-2-1998 của Thủ tướng Chính phủ cần đạt mục đích, yêu cầu:

1. Tuyên truyền, phổ biến cho toàn dân nhận thức được nguy cơ và tác hại của nạn chuột phá hoại mùa màng và môi trường sống xã hội.

2. Tổ chức và huy động mọi lực lượng tham gia diệt chuột đạt hiệu quả cao, bảo vệ được mùa màng và môi trường sinh thái. Khống chế tác hại và hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do chuột gây nên đối với sản xuất nông nghiệp.

3. Bảo vệ và phát triển các loại động vật hoang dã, trước mắt nghiêm cấm ngay việc săn bắt mèo và các loại thiên địch hoang dã của chuột như rắn, rắn, chim cú... để xuất khẩu hoặc làm thực phẩm. Khuyến khích và giúp đỡ nhân dân nuôi mèo trong gia đình để diệt chuột.